**V5 (I)**

|  |
| --- |
| **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HẠ TẦNG MẠNG**(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012** |

**Hà Nội - Tháng 03 năm 2013**

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
|  | Trang |
|  |  |
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC | 2 – 3 |
|  |  |
| BÁO CÁO KIỂm TOÁn | 4  |
|  |  |
| báo cáo tài chính đã đưỢc KIỂM TOÁn |  |
|  |  |
| Bảng cân đối kế toán  | 5 – 6 |
|  |  |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  | 7 |
|  |  |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  | 8 |
|  |  |
| Thuyết minh báo cáo tài chính  | 9 – 30 |
|  |  |

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

|  |  |
| --- | --- |
| Ông Nguyễn Xuân Đức | Chủ tịch  |
| Ông Phan Thanh Sơn | Thành viên  |
| Ông Vũ Hữu Thỉnh | Thành viên |
| Ông Đặng Hùng | Thành viên |
| Ông Hồ Ngàn Chi | Thành viên |
| **BAN KIỂM SOÁT** |  |
| Các thành viên của Ban kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm: |
| Ông Nguyễn Tiến Sơn | Trưởng ban |
| Ông Phan Thị Thu Thảo | Thành viên |
| Ông Trần Thị Hồng Khang | Thành viên |
| **BAN GIÁM ĐỐC** |  |
| Các thành viên của Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm: |
| Ông Vũ Hữu Thỉnh | Tổng Giám đốc  |
| Ông Mai Tuấn Dũng | Phó Tổng Giám đốc  |
| Ông Đặng Hùng | Phó Tổng Giám đốc  |
| Ông Nguyễn Xuân Đức | Giám đốc tài chính  |

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội, thành viên hãng RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

* Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
* Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
* Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
* Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi phê chuẩn rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc,

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Nguyễn Xuân Đức****Chủ tịch Hội đồng Quản trị***Ngày 25 tháng 03 năm 2013* |  | Vũ Hữu ThỉnhTổng Giám đốc |

## Số. 27/2013/DTLHN - BCKT

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

*V/v: Báo cáo tài chính cho nămtài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông của**

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ Tầng Mạng (“Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 29.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty thấy cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyêt minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN(TIẾP)**

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| **Nguyễn Thành Lâm****Giám đốc**Số chứng chỉ KTV: 0299/KTV **Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0201/KTV***Thay mặt và đại diện***Công ty TNHH Kiểm toán DTL-Văn phòng Hà Nội****Thành viên hãng RSM Quốc tế**Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013 |  | **Hoàng Thị Vinh****Kiểm toán viên**Số chứng chỉ KTV: 01678/KTV |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

*Đơn vị tính: VND*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

*Đơn vị tính: VND*

****

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Vũ Hữu ThỉnhTổng Giám đốc Ngày 25 tháng 03 năm 2013 |  | **Vũ Đức Trường**Kế toán trưởng |  | Đào Kim OanhNgười lập |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

*Đơn vị tính: VND*

****

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Vũ Hữu ThỉnhTổng Giám đốc Ngày 25 tháng 03 năm 2013 |  | **Vũ Đức Trường**Kế toán trưởng |  | Đào Kim OanhNgười lập |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

*Đơn vị tính: VND*

****

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Vũ Hữu ThỉnhTổng Giám đốc Ngày 25 tháng 03 năm 2013 |  | **Vũ Đức Trường**Kế toán trưởng |  | Đào Kim OanhNgười lập |

**I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

* 1. **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hạ tầng mạng (“Công ty”) là một Công ty Cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103012994 ngày 29/06/2006 của Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 1 Ngày 06/11/2006

Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 2 Ngày 13/11/2006

Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 3 Ngày 06/06/2007

Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 4 Ngày 30/05/2008

Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 5 Ngày 23/03/2010

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 VND, chia thành 3.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Ngày 23/08/2010, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 594/QĐ-SGDHN.

Ngày 16/09/2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lưu ký chứng khoán số 205/2010/GCNCP-VSD ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Ngoài ra công ty có một công ty con là Công ty TNHH Kinh doanh hạ tầng Viễn thông Nisco. Công ty con này đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 18/10/2012 với vốn điều lệ là 10 tỷ VND. Ngành nghề hoạt động của Công ty là: Kinh doanh dịch vụ viễn thông; dịch vụ ứng dụng viễn thông; Đại lý dịch vụ viễn thông; Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm cho thuê hạ tầng mạng); Cho thuê cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông (không bao gồm kinh doanh bất động sản).

Trong năm 2012 Công ty con này chưa đi vào hoạt động và Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty con này.

Trụ sở chính của Công ty đóng tại Tầng 9, Nhà D, Khách sạn Thể Thao, Làng sinh viên Hacinco, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; và Văn Phòng đại diện của Công ty đóng tại 373/14 đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2012 là: 45 người (tại ngày 31/12/2011 là 38 người).

* 1. **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là:

* Cho thuê cơ sở hạ tầng thiết bị viễn thông;
* Mua bán, lắp đặt và sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin và các thiết bị chống sét;
* Xây dựng các công trình viễn thông cột ăng ten;
* Dịch vụ kỹ thuật đo chất lượng thiết bị mạng, chất lượng dịch vụ viễn thông tin học; và
* Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (dịch vụ truy cập dữ liệu, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử).
1. **CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

1. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

* 1. **Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

* 1. **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

* 1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

* 1. **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

* 1. **Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | Thời gian sử dụng |
|  |  |  | (Năm) |
| Nhà xưởng, vật kiến trúc |  |  | 5 - 73 - 75 - 7 |
| Máy móc, thiết bị dụng cụ quản lý |  |  |
| Phương tiện vận tải |  |  |

* 1. **Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

* 1. **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cho thuê tài sản trong kỳ là số tiền cho thuê tài sản được xác định tương ứng với thời gian trong kỳ kế toán theo nguyên tắc làm tròn tháng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

* 1. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

* 1. **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

* 1. **Thuế**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong năm, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ : Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 Thuế (Tiếp)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (Tiếp)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**Thuế giá trị gia tăng**

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

* Dịch vụ cho thuê trạm 10%
* Các dịch vụ khác 10%

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

* 1. **Công cụ tài chính**

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 Công cụ tài chính (tiếp)**

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việ cphân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán oợ phải trả đồng thời.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

* 1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

****

* 1. **Phải thu của khách hàng**

****

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

* 1. **Trả trước cho người bán**

****

(\*) Đây chủ yếu bao gồm tiền chi phí thuê mặt bằng các trạm nhưng Công ty chưa nhận được hóa đơn của người bán tại thời điểm ngày 31/12/2012.

* 1. **Các khoản phải thu khác**

****

* 1. **Chi phí trả trước ngắn hạn**

****

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

* 1. **Tài sản ngắn hạn khác**

****

* 1. **Tài sản cố định hữu hình**

****

(\*): Bao gồm các tài sản cố định là các trạm BTS hầu hết do Công ty tự xây dựng và được ghi nhận vào tài sản cố định - Nhà cửa vật kiến trúc.

Tổng nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng là: 361.318.525 VND.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

* 1. **Vay và nợ ngắn hạn**

****

(\*) Bao gồm các khoản vay huy động từ cán bộ nhân viên trong Công ty và các cá nhân khác có thời hạn từ 3 đến 6 tháng, với lãi suất từ 16%-21,5%/ năm. Các khoản vay này để bổ sung nguồn vốn lưu động và không có tài sản thế chấp.

* 1. **Phải trả người bán**

****

(\*) Chủ yếu bao gồm tiền chi phí thuê mặt bằng các trạm công ty chưa trả đến ngày 31/12/2012.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

* 1. **Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

****

* 1. **Chi phí phải trả**

****

(\*): Chi phí thuê mặt bằng trạm làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại theo thuyết minh 5.6 “Chi phí thuế thu nhập hoãn lại”.

* 1. **Các khoản phải trả, phải nộp khác**

****

* 1. **Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày 31/12/2012 là khoản doanh thu do khách hàng ứng trước tiền thuê các trạm BTS của Công ty và thực hiện phân bổ doanh thu vào kỳ sau.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

* 1. **Vốn chủ sở hữu**

***4.14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

******

(\*): Căn cứ Nghị quyết số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/05/2012, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 đã quyết định trích lập các quỹ chi tiết như sau:

* Quỹ khen thưởng phúc lợi : 148.780.863 VND
* Quỹ dự phòng tài chính : 74.390.432 VND
* Quỹ đầu tư phát triển : 223.171.295 VND

***4.14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu***

******

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)**

***4.14.3 Cổ phiếu***

****

***4.14.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu***

****

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

* 1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

******

* 1. **Giá vốn hàng bán**

****

* 1. **Chi phí bán hàng**

****

* 1. **Chi phí quản lý doanh nghiệp**

****

* 1. **Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ kỳ trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH(TIẾP)**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

****

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

* 1. **Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

****

* 1. **Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

****

**6. THÔNG TIN KHÁC**

* 1. **Công cụ tài chính**
		1. **Các loại công cụ tài chính**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.11 “ Công cụ tài chính”.

****

**6. THÔNG TIN KHÁC(TIẾP)**

* 1. **Công cụ tài chính(Tiếp)**

**6.1.1 Các loại công cụ tài chính(Tiếp)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản chính và công nợ tài chính tại ngày có kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác dịnh giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn thương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý.

* + 1. **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng, tiền mặt, tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà chúng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Với hoạt động của mình, Côgn ty phải đối mặt với rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro này như sau:

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn vàc các nghĩa vụ dài hạn có lãi suất thả nổi.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty – VND.

Trong năm, Công ty không phát sinh các giao dịch bằng tiền khác với VND. Do đó, Công ty không có rủi ro ngoại tệ.

**Rủi ro về giá cho thuê trạm BTS**

Hoạt động chủ yếu của Công ty trong năm là hoạt động cho thuê trạm BTS, các hợp đồng cho thuê này là dài hạn, giá cho thuê thường không đổi trong thời hạn hợp đồng nên Ban Giám đốc Công ty đánh giá không bị ảnh hưởng lớn bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị cho thuê trong tương lai.

**6. THÔNG TIN KHÁC(TIẾP)**

* 1. **Công cụ tài chính(Tiếp)**

**6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính(Tiếp)**

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu.



Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

* 1. **Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó bên liên quan của Công ty là Công ty Tài chính Bưu điện, Công ty TNHH Thiên Việt và Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện, các thành viên trong Ban giám đốc, Hội đồng quản trị của Công ty.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư sau với các bên liên quan:

**6. THÔNG TIN KHÁC( TIẾP)**

* 1. **Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan(Tiếp)**

**Chi phí lãi vay thanh toán trong năm**



 **Các khoản phải thu**

******

**Các khoản vay**

******

**Thu nhập của Ban Giám đốc**

Thu nhập Ban Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

* 1. **Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.**

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2013/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 03 năm 2013, Hội đồng quản trị đã thông qua dự kiến chi trả cổ tức cho năm 2012 theo tỷ lệ là 4% từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 03 năm 2013 và Quyết đinh số 03/2013/QĐ-Nisco, Hội đồng quản trị đã thông qua kế hoạch thành lập Công ty TNHH MTV kinh doanh điện nhẹ và sản phẩm/dịch vụ giáo dục với vốn điều lệ 1.000.000.000 VND và góp vốn thành lập công ty TNHH Phân phối và ứng dụng công nghệ Nisco – DTA với vốn góp là 1.000.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ.

Trong năm 2013, Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc công ty thông qua việc thành lập công ty Con - Công ty TNHH Kinh doanh hạ tầng viễn thông Nisco để thực hiện các hoạt động bảo dưỡng các trạm, cho thuê mặt bằng thay cho Công ty.

* 1. **Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL - Văn phòng Hà Nội.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Vũ Hữu ThỉnhTổng Giám đốc Ngày 25 tháng 03 năm 2013 |  | **Vũ Đức Trường**Kế toán trưởng |  | Đào Kim OanhNgười lập |